

BẢNG 2 - RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
A QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH – CĂN CỨ				
		Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 08/BT2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/08/2024	Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số .../TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025	Cập nhật thông tin về Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ khi văn bản được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
B NỘI DUNG QUY CHẾ				
1	Điều 8 Khoản 1 Điểm g	Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Điều lệ Ngân hàng	Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản B Điều 75 Điều lệ Ngân hàng	Thay đổi chỉ mục do Điều 75 Điều lệ sửa đổi bổ sung năm 2025 đã được cấu trúc lại.
2	Điều 18 Khoản 2	Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ông tác quy hoạch cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.	Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.	Căn cứ Tiết ii, tiết iii điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 quy định: “Quy chế làm việc của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. 2. Quy chế làm việc và chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban tối thiểu gồm các nội dung sau: c) Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự: (ii) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng



STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
				<p>thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng”.</p> <p>Hiện nay, theo Quy định 2555 về công tác quy hoạch cán bộ trong hệ thống VCB, trình tự, thủ tục quy hoạch cán bộ không có bước thông qua UBNS.</p>



DỰ THẢO

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HĐQT ngày /04/2025
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này phải tuân theo quy định về bảo mật của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số .../TN2025/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày /04/2025 và thay thế Quyết định số 1569/QĐ-VCB-HĐQT ngày 26/08/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ngân hàng Nhà nước (để b/cáo);
- Lưu: VT, CL&TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Tùng

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HĐQT ngày /04/2025 của
Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1
Điều 4. Áp dụng văn bản	2
Chương II: CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 5. Hội đồng quản trị	2
Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị	2
Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	3
Chương III: QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	3
Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác	6
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	9
Chương IV: ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM	11
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 13. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị	12
Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
Chương V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN	14
BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	14
Điều 17. Vai trò và nhiệm vụ Ủy ban quản lý rủi ro	15
Điều 18. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự	16
Điều 19. Bộ phận Thư ký Ngân hàng giúp việc cho Hội đồng quản trị	16
Điều 20. Người phụ trách quản trị Ngân hàng	16
Chương VI: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị	17
Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị	19

Điều 23.	Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	19
Điều 24.	Hợp Hội đồng quản trị bằng hình thức trực tuyến	19
Điều 25.	Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị	20
Điều 26.	Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	21
Điều 27.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	21

Chương VII: CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 22

Điều 28.	Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 29.	Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	22
Điều 30.	Phân cấp, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23

Chương VIII: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31.	Nguyên tắc phối hợp trong công tác	24
Điều 32.	Mối quan hệ với Ban kiểm soát	24
Điều 33.	Mối quan hệ với Ban điều hành	24
Điều 34.	Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 35.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	26

Chương IX: TỔ CHỨC THỰC HIỆN..... 27

Điều 36.	Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	27
----------	--------------------------------------	----

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VCB-HĐQT ngày /04/2025
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát.
2. Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
3. Cá nhân, đơn vị có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

- Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- HĐQT là Hội đồng quản trị Ngân hàng.
- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng và không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông nước ngoài đề cử tham gia Hội đồng quản trị Ngân hàng, thành viên độc lập của Hội đồng quản trị Ngân hàng.

- Người phụ trách quản trị Ngân hàng là người do HĐQT bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 20 Quy chế này.

- Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (Điều lệ Ngân hàng).

Điều 4. Áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định có liên quan của pháp luật và quy định tại Điều lệ Ngân hàng được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và quy định mới của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, số lượng thành viên HĐQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người Người điều hành Ngân hàng.

Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người

này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên HĐQT của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

3. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Điều 7. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Chương III

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông gồm:

(i) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

(ii) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

(iii) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng;

(iv) Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

(v) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền;

(vi) Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa

vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

(vii) Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

(viii) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

(ix) Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;

(x) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;

(xi) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 Điều lệ Ngân hàng.

b) Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền;

c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;

d) Quyết định việc mua lại cổ phần theo Điều 18 Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật;

e) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng, trừ các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;

f) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

g) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản B Điều 75 Điều lệ Ngân hàng;

h) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng;

i) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;

j) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên

của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

k) Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng;

m) Phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị;

n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;

o) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Thư ký Ngân hàng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp, Giám đốc/Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát;

p) Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

q) Quyết định, ban hành chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;

r) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên của Ngân hàng;

s) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định có liên quan của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng. Thực hiện đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;

t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong năm tài chính;

u) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

v) Quyết định thanh lý tài sản và mức bồi thường thiệt hại theo quy định của

pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

w) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

x) Quyết định việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ;

y) Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ);

z) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;

aa) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

bb) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

cc) Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

dd) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT còn có trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng;

c) Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;

d) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại cuộc họp định kỳ và các cuộc họp khác

1. HĐQT tổ chức cuộc họp định kỳ để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề dưới đây thuộc thẩm quyền của HĐQT:

a) Các vấn đề mà HĐQT phải trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44 Điều lệ Ngân hàng;

b) Phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng có thời hạn từ 1 năm trở lên;

c) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;

d) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

e) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT;

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;

h) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;

i) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

j) Tiến hành đánh giá hàng năm hiệu quả hoạt động của HĐQT, các ủy ban của HĐQT và từng thành viên của HĐQT;

k) Tiến hành đánh giá hàng năm về hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc;

l) Các vấn đề khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần phải trình HĐQT thông qua.

2. HĐQT giao Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và các thành viên HĐQT chuyên trách tổ chức các cuộc họp khác của HĐQT để xem xét quyết định, giải quyết các vấn đề khác còn lại thuộc thẩm quyền của HĐQT, ngoại trừ các vấn đề tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
3. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp của HĐQT.
4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
5. Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
7. Đảm bảo rằng các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
9. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
10. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
11. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT, nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của chủ tịch HĐQT; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các uỷ ban của HĐQT định kỳ hàng năm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
12. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên

độc lập khác của HĐQT.

13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

b) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

c) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo;

d) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;

e) Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ Ngân hàng;

f) Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

h) Tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các điểm a, e, f, g, h, j, n, p, q, r, w khoản 1 Điều 8 Quy chế này;

i) Thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông;
j) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng;

k) Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

l) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

m) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc;

n) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Ngoài quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, thành viên HĐQT còn có các trách nhiệm như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;

c) Thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính mình hoặc với những người có liên quan của mình theo quy định của pháp luật;

d) Không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;

e) Cùng với những người có liên quan của mình không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên HĐQT là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Chương IV

ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng,

ngoài những khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó;

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 13. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành Ngân hàng;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên hai doanh nghiệp khác;

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác

2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con

của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác

3. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

Điều 14. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chết;

b) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp ;

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 15. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 14 Quy chế này, Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn xin từ chức gửi HĐQT;

b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12, Điều 13 Quy chế này;

c) Không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Điều lệ thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.

5. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời, thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên HĐQT bị khuyết theo quy định của pháp luật.

6. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Chương V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thành lập các Ủy ban sau:

a) Ủy ban quản lý rủi ro;

- b) Ủy ban nhân sự;
- c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.

2. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập HĐQT được cử tham gia Ủy ban.

3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên HĐQT và được HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. HĐQT bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập HĐQT là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của HĐQT, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của HĐQT và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước HĐQT.

4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:

a) HĐQT ra quyết định thành lập các Ủy ban. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, HĐQT có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.

b) Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên HĐQT và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Một thành viên HĐQT chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

c) Khi thành lập các Ủy ban, HĐQT phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo theo đúng thời hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

d) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban do HĐQT ban hành.

Điều 17. Vai trò và nhiệm vụ Ủy ban quản lý rủi ro

1. Đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong các việc sau:

a) Ban hành các quy chế, quy trình, quy định, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

b) Giám sát Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

2. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

3. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy chế, quy trình, quy định, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy chế, quy trình, quy định, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

4. Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.

Điều 18. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự

1. Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.

2. Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

3. Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, nhân viên của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 19. Bộ phận Thư ký Ngân hàng giúp việc cho Hội đồng quản trị

1. Bộ phận Thư ký Ngân hàng là bộ phận chuyên trách giúp việc cho HĐQT. HĐQT quyết định lựa chọn, bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Bộ phận Thư ký Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Thư ký Ngân hàng do HĐQT quy định.

Điều 20. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có

hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT;
- g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Chương VI

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi tháng 01 (một) lần và họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT triệu tập. Chương trình nghị sự của cuộc họp định kỳ, thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

3. Người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT là một trong những người sau đây:

a) Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch HĐQT vắng mặt. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản và phải thông báo cho các thành

viên còn lại của HĐQT và Tổng giám đốc biết;

b) Thành viên HĐQT được các thành viên còn lại của HĐQT bầu tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong trường hợp người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT tại điểm a khoản 3 Điều này vắng mặt hoặc không thể làm việc được.

4. Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp song ít nhất phải bao gồm các vấn đề sau (áp dụng đối với các phiên họp HĐQT định kỳ):

a) Chủ tịch HĐQT báo cáo các công việc đã thực hiện của HĐQT giữa hai kỳ họp định kỳ;

b) Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng đồng thời đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong thời gian tiếp theo;

c) Trưởng Ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát, cảnh báo đối với hoạt động của Ngân hàng;

d) Người đứng đầu các Ủy ban báo cáo tình hình hoạt động của Ủy ban và các vấn đề khác có liên quan.

5. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng.

6. Thành phần mời tham dự họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng

kiến của tất cả những người dự họp.

8. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành trên cơ sở triệu tập của Chủ tịch HĐQT hoặc của người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT có thể mời thêm một số thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp của HĐQT để xem xét giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT tại các cuộc họp giữa hai kỳ họp định kỳ theo quy định của Điều 9 Quy chế này.

Khi tham dự cuộc họp của HĐQT, các thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như nêu tại Điều 46, Điều 49 Điều lệ Ngân hàng. Các thành viên khác không phải là thành viên HĐQT được mời tham dự cuộc họp của HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

2. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3. Thông báo họp HĐQT được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng.

Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT dự họp.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp HĐQT theo quy định, cuộc họp HĐQT phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 24. Họp Hội đồng quản trị bằng hình thức trực tuyến

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên HĐQT đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham dự phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

2. Việc thảo luận giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT có mặt hoặc địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

3. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 25. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị

Ngoài các quy định tại Điều 49 Điều lệ Ngân hàng, trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp HĐQT được thực hiện như sau:

a) Bộ phận Thư ký Ngân hàng chịu trách nhiệm chuẩn bị toàn bộ nội dung tài liệu cuộc họp, trình Chủ tịch HĐQT thông qua và gửi đến các thành viên dự họp theo quy định.

b) Chủ tịch HĐQT hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ cuộc họp theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và tuân thủ chặt chẽ các quy định có liên quan tại Điều lệ Ngân hàng.

c) Mọi cuộc họp HĐQT phải được Bộ phận Thư ký Ngân hàng lập biên bản cuộc họp có nội dung như quy định tại khoản 1 Điều 51 Điều lệ Ngân hàng, phản ánh trung thực, khách quan diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được các thành viên HĐQT hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp thông qua, ký tên đầy đủ và là cơ sở để HĐQT ra nghị quyết, quyết định. Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong nội dung biên bản. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

d) Trường hợp Người phụ trách quản trị Ngân hàng kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng phối hợp cùng Bộ phận Thư ký Ngân hàng thực hiện những nội dung quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều này.

Điều 26. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ Ngân hàng theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền.

2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường có giá trị hiệu lực như các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp định kỳ và chỉ được thông qua khi có đa số các thành viên dự họp là thành viên HĐQT biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường phải được thông báo lại cho các thành viên HĐQT còn lại biết tại cuộc họp định kỳ gần nhất của HĐQT.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Bộ phận Thư ký Ngân hàng chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mục đích lấy ý kiến; họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT; vấn đề cần lấy ý kiến; phương án biểu quyết; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.

4. Bộ phận Thư ký Ngân hàng tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định.

5. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được thành viên HĐQT trả lời (có chữ ký của thành viên HĐQT), biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài

liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

7. Đề kịp thời giải quyết các trường hợp cấp bách thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT tại cuộc họp bất thường, Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành việc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản theo một trong hai cách sau:

a) Thành viên HĐQT ghi trực tiếp ý kiến của mình trên phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

b) Thành viên HĐQT ghi trực tiếp ý kiến của mình trên nội dung tờ trình từng vấn đề của Ban điều hành.

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị hiệu lực như quyết định được thông qua tại cuộc họp bất thường của HĐQT với điều kiện quyết định đó được đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến tán thành.

Chương VII

CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, GIAO NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể và trình Chủ tịch HĐQT.

2. Kết thúc đợt công tác, các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT kết quả đợt công tác.

Điều 29. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, kể cả tiền lương và phụ cấp cho các thành viên HĐQT và bộ phận giúp việc của HĐQT được tính vào chi phí của Ngân hàng.

2. Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Khối, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng các Phòng/Ban tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và Giám đốc/Tổng Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT

hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định, các cơ chế, quy chế của HĐQT đều sao gửi đến Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.

5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng, ban, trung tâm, khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

6. Văn phòng Ngân hàng có trách nhiệm chuyển và nhận tất cả các công văn, tài liệu của HĐQT. Mọi văn bản, tài liệu từ bên ngoài gửi tới Ngân hàng đều phải sao gửi HĐQT để biết và chỉ đạo giải quyết.

Điều 30. Phân cấp, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT phân cấp, giao nhiệm vụ có phạm vi, nội dung, hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Việc phân cấp, giao nhiệm vụ được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp không được HĐQT phân cấp, giao nhiệm vụ thì phạm vi, nội dung, hạn mức tối đa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng là mức cao nhất do pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ Ngân hàng quy định.

2. Việc phân cấp, giao nhiệm vụ trong một số trường hợp được thực hiện như sau:

a) Quyết định phân cấp, giao nhiệm vụ về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định: thực hiện theo Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong hệ thống Ngân hàng và Quy chế tài chính của Ngân hàng do HĐQT ban hành và theo các nghị quyết, quyết định có liên quan của HĐQT;

b) Quyết định phân cấp, giao thực hiện các hợp đồng liên quan tới hoạt động cấp tín dụng, hoạt động huy động vốn được thực hiện theo Quy chế tài chính, các quy định có liên quan của Ngân hàng do HĐQT ban hành và các quy định có liên quan của pháp luật;

c) Quyết định về công tác cán bộ: thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ, các quy định khác có liên quan của Ngân hàng do HĐQT ban hành;

d) Các nội dung phân cấp, giao nhiệm vụ khác được thực hiện theo các quy

định có liên quan của HĐQT.

3. HĐQT quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng và phê duyệt đề Tổng Giám đốc giao kế hoạch kinh doanh hàng năm cho từng đơn vị thành viên Ngân hàng.

Chương VIII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Ngân hàng.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 32. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời, có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

2. Chủ tịch HĐQT bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

4. HĐQT bảo đảm tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

Điều 33. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn

nhân lực, cơ sở vật chất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. HĐQT quyết định cơ cấu Ban điều hành phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Ngân hàng. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Ngân hàng thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

4. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Ngân hàng.

5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì.

6. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

7. Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

8. Hàng quý, HĐQT tổ chức họp với Ban điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý; trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thực hiện.

9. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 34. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình

xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 35. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;
- b) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- c) Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);
- d) Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;
- e) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;
- f) Các kế hoạch trong tương lai.

2. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng





BẢNG 3 - RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

STT	Điều	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ/LÝ DO
A	QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH – CĂN CỨ			
		Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 08/BT2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/08/2024.	Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số .../TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025.	Cập nhật thông tin về Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ khi văn bản được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
B	NỘI DUNG QUY CHẾ			
1	Điều 3 Khoản 2	Cổ đông lớn của Ngân hàng: là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.	Chỉnh sửa thành: Cổ đông lớn: là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.	Chuẩn hóa theo Điều lệ sửa đổi bổ sung năm 2025.

DỰ THẢO

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-VCB-HĐQT ngày .../.../2025 của
HĐQT của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này tuân theo Quy định về công tác văn bản và quản lý văn bản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản	2
Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản	2
Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	2
Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	5
Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	5
Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	6
Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 16. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	8
Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Chương III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 22. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	12

Chương IV: TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 23. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 24. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	13
Chương V: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT.....	13
Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 26. Đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	14
Chương VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG.....	16
CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	16
Điều 30. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro.....	17
Điều 31. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự.....	17
Chương VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	17
Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành	17
Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành	19
Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành	19
Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc....	19
Điều 36. Miễn nhiệm Người điều hành.....	20
Chương VIII: QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	20
Điều 37. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành.....	20
Điều 38. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	22
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành.....	22
Chương IX: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....	23
Điều 40. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành	23
Điều 41. Tiêu chí đánh giá hoạt động	24
Điều 42. Xếp loại đánh giá cán bộ.....	24

Điều 43.	Khen thưởng	25
Điều 44.	Kỷ luật	25
Chương X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG.....		25
Điều 45.	Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	25
Điều 46.	Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	25
Điều 47.	Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	26
Chương XI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH		26
Điều 48.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Ngân hàng	26
Điều 49.	Giao dịch với người có liên quan	27
Điều 50.	Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng	27
Chương XII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN		28
Điều 51.	Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.....	28

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này *“Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam”*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2025 và thay thế Quyết định số 1579/QĐ-VCB-HĐQT ngày 26/08/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ngân hàng Nhà nước (để b/cáo);
- Lưu: VT, CL&TKHĐQT.

Nguyễn Thanh Tùng

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-VCB-HĐQT ngày .../.../2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”), bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Người điều hành;
5. Người phụ trách quản trị Ngân hàng;
6. Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
7. Báo cáo và công bố thông tin

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Người điều hành Ngân hàng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này.

3. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Quản trị Ngân hàng:** là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành;

c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan của cổ đông;

d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.

2. **Cổ đông lớn:** là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.

3. **Người phụ trách quản trị Ngân hàng:** là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 46 Quy chế này.

Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả và phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông.

4. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

6. Minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, cổ đông còn có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày Ngân hàng gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông và phải lập xong chậm nhất 31 (ba mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

1.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quyết định của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1.2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ Ngân hàng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số

doanh nghiệp hoặc sổ quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu giấy ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác dự họp thay;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung hướng dẫn về cách thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông

báo mời họp quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Trường hợp cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật mà không dự họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì việc ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);

4. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;

5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;

6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông thường niên

Chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo và hoàn tất Báo cáo đánh giá toàn diện về các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm ít nhất các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch và định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong kỳ;
2. Định hướng và biện pháp triển khai trong thời gian tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng;
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành Ngân hàng;
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 13. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.

2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và được cấp một “Thẻ biểu quyết” do Ngân hàng phát hành, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của người đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.

4. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc phiếu không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá 03 (ba) người. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Việc kiểm phiếu đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu vào từng thời điểm, Đại hội đồng cổ đông thống nhất chỉ định một tổ chức trung lập để thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Tổ chức trung lập sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất.

6. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thư ký cuộc họp ghi chép và lập biên bản họp. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 41 của Điều lệ Ngân hàng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tất cả cổ đông của Ngân hàng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp. Phương thức gửi biên bản họp có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục được quy định

trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đã được thông qua, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại các Điều 38, 39 của Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban điều hành), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

Điều 16. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành.

5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phương thức gửi biên

bản kết quả kiểm phiếu có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ngân hàng chi trả. Khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tự chịu mọi chi phí phát sinh, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Chương III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được

phê duyệt;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng; là người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó;

f) Thành viên độc lập HĐQT không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

(i) Người điều hành Ngân hàng;

(ii) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên hai doanh nghiệp khác;

(iii) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo

của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 19. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu là tổ chức sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên được đề cử tối đa số ứng cử viên vào Hội đồng quản trị phù hợp với số lượng thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VCB.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
- f) Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 21. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Chết;
- b) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
- d) Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 22. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 21 Quy chế này, Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau

đây:

- a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị Ngân hàng;
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 Quy chế này;
- c) Không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 18 Quy chế này đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm số thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Chương IV

TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 24. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 (một) bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 (một) bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

Chương V

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;
2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
3. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng;
4. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
5. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.t.

Điều 26. Đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 19 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 28. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp ;
 - b) Chết;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức ;

- e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;
 - b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
 - c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
5. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Trưởng Ban kiểm soát.
6. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
7. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất quyết định.
8. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày

kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.

9. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Chương VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban sau:

- a) Ủy ban quản lý rủi ro;
- b) Ủy ban nhân sự;
- c) Ủy ban khác khi thấy cần thiết.

2. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập Hội đồng quản trị được cử tham gia Ủy ban.

3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.

4. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các Ủy ban. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban.

b) Một Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban là thành

viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý Rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị, khi thành lập các Ủy ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo.

d) Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 30. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro

Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 31. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự

Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự được thực hiện theo quy định hiện hành tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự do Hội đồng quản trị ban hành.

Chương VII NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành

1. Người điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:

- a) Từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên và có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành;
- c) Được tin nhiệm trong cương vị công tác, nằm trong quy hoạch nguồn cán bộ của Ngân hàng;
- d) Không thuộc đối tượng không được làm cán bộ quản lý lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật;

e) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp;

f) Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt.

h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng

b) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

4. Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

5. Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng.

Điều 33. Việc bổ nhiệm Người điều hành

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Điều 34. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc khối.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Người điều hành Ngân hàng không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này theo quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 35. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp .

b) Chết.

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng.

b) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Các trường hợp miễn nhiệm khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm b khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, dự họp bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 59 Điều lệ.

5. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc

Điều 36. Miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng

Việc miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Chương VIII

QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 37. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành

1. Quan hệ công tác trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn, báo chí và các nội dung có liên quan khác thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện thay mặt Ngân hàng trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng, với

báo chí (trừ công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng). Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban điều hành thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền, sau khi tham dự, người được uỷ quyền phải báo cáo lại để Chủ tịch Hội đồng quản trị nắm bắt đầy đủ nội dung.

b) Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành hoặc thành viên Ban kiểm soát được phân công theo dõi mảng việc có liên quan.

c) Các phòng/ban/trung tâm có liên quan tại Trụ sở chính chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì.

2. Quan hệ công tác trong triển khai các nhiệm vụ được giao được thực hiện như sau:

a) Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng giám đốc hoặc Người điều hành Ngân hàng phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).

b) Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

c) Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo theo định kỳ các công việc theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

d) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) và khi có yêu cầu.

e) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên

Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện.

f) Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

g) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành Ngân hàng cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

3. Tổng Giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nghiệp vụ được phân công/giao.

Điều 38. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

3. Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) đối với Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Người điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát

tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng gửi cho Ban kiểm soát 01 (một) biên bản họp này.

2. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban điều hành và Người điều hành đó được phân công thực hiện.

4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, thành viên Ban điều hành hoặc Người điều hành Ngân hàng cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

5. Thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

6. Tổng Giám đốc phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng giám đốc; tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

7. Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Chương IX

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 40. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành

1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

- a) Tự nhận xét đánh giá;
- b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 (sáu) tháng;
- c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
- d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
- e) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh khác do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

4. Tổng giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

Điều 41. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Ngân hàng, chủ trương, chính sách của Ngân hàng và quy định của Pháp luật;
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 42. Xếp loại đánh giá cán bộ

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành

viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại Ngân hàng.

Điều 43. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Ngân hàng.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 44. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Người điều hành Ngân hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm. Ban kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Chương X

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của

người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 47. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Chương XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Ngân hàng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý Ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các hợp đồng giao dịch của đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 49. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Ngân hàng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng và gây tổn hại cho lợi ích của Ngân hàng thông qua việc kiểm soát các hợp đồng, giao dịch mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Ngân hàng.

3. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Ngân hàng.

Điều 50. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng

1. Ngân hàng phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Ngân hàng phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương XII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng



**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
**PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG
HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM**

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024,

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua nội dung “Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm”.
2. Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt điều chỉnh “Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm” theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Hội đồng quản trị VCB kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung nêu trên. *HS*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tùng

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM



**PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC
CAN THIỆP SỚM**

HÀ NỘI, 04 - 2025



PHỤ LỤC

Lời mở đầu	2
Phần 1: Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.....	3
1. Mục đích, Yêu cầu.....	3
2. Cơ sở pháp lý.....	3
Phần 2: Nội dung của Phương án can thiệp sớm.....	6
1. Cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh tại VCB.....	6
a. Mô hình tổ chức.....	6
b. Bộ máy quản trị điều hành:	6
c. Mạng lưới chi nhánh.....	6
2. Thực trạng tài chính và hoạt động tại VCB.....	7
a. Vốn	7
b. Huy động vốn và tín dụng	7
c. Chất lượng tài sản.....	7
d. Kết quả kinh doanh.....	8
e. Tình hình thanh khoản và chấp hành các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn	8
3. Đánh giá các điều kiện VCB thực hiện Phương án can thiệp sớm.....	8
4. Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục của VCB.....	11
a. Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp và thời gian thực hiện; lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của cổ đông, thành viên góp vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 159 của Luật TCTD 2024.....	12
b. Cải thiện khả năng thanh khoản; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng	12
c. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.....	13
d. Nâng cao năng lực quản trị, điều hành	13
e. Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật	14
f. Biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản	15
g. Các biện pháp thực hiện khắc phục khác được NHNN chấp thuận	15
Phần 3: Tổ chức thực hiện Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm	17

Lời mở đầu

Hình thành từ tổ chức tiền thân là Sở Quản lý Ngoại hối trực thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, VCB luôn giữ vững vai trò là một ngân hàng chủ lực, chủ đạo trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam, thể hiện bản lĩnh vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, có những bước tiến vượt bậc, luôn hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, gương mẫu đi đầu trong việc nghiêm túc chấp hành và triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng, góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước trước đây cũng như công cuộc phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế ngày nay.

VCB từng bước khẳng định và củng cố vững chắc vị thế ngân hàng tiên phong, không ngừng đổi mới sáng tạo, dẫn đầu về hiệu quả và có chất lượng hoạt động tốt nhất trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam. Đồng thời, VCB luôn chủ động nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, tiên phong trong nghiên cứu, áp dụng các mô hình, phương thức quản trị rủi ro tiên tiến theo các chuẩn mực quốc tế, định hướng của cơ quan quản lý cũng như nhu cầu quản trị nội bộ.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều thách thức, VCB chủ động xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm. Theo đó, các kịch bản và phương án dự phòng trong trường hợp được can thiệp sớm được chuẩn bị sẵn sàng. Ngay khi phát sinh vấn đề, VCB sẽ triển khai ngay các giải pháp cần thiết, đảm bảo tính kịp thời. Đây là một minh chứng cho thấy cam kết của VCB trong việc duy trì các tiêu chuẩn tốt nhất trong quản trị rủi ro, qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của bản thân ngân hàng đồng thời góp phần vào sự ổn định của thị trường tài chính Việt Nam.

Phần 1: Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

1. Mục đích, Yêu cầu

Bám sát định hướng, mục tiêu là ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất theo chuẩn mực quốc tế và không ngừng nâng cao văn hóa quản trị rủi ro tại Việt Nam, VCB xây dựng Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp can thiệp sớm với các mục đích cụ thể như sau:

- Xác định các yếu tố, điều kiện dẫn đến tình trạng phải can thiệp sớm, chuẩn bị sẵn sàng các giải pháp, hành động để ứng phó kịp thời và xây dựng các nội dung triển khai cụ thể trong trường hợp VCB phải can thiệp sớm;
- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cá nhân và đơn vị trong công tác quản trị rủi ro, đảm bảo VCB duy trì tình trạng hoạt động bình thường, góp phần vào sự ổn định của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.

Với các mục đích cụ thể như trên, việc xây dựng **Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm** là hết sức cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý

- ***Về đối tượng xây dựng Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm***

Khoản 3, Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (Luật TCTD 2024) quy định: “*Can thiệp sớm là việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước nhằm khắc phục tình trạng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật này*”.

Khoản 1, Điều 143 Luật TCTD 2024 quy định: “*Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm*”.

- ***Về thời gian xây dựng và cấp thẩm quyền phê duyệt Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm***

Khoản 4, Điều 143 Luật TCTD 2024 quy định: “*Phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên,*

chủ sở hữu hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu của ngân hàng thương mại, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.”

Khoản 5, Điều 143 Luật TCTD 2024 quy định: “Định kỳ ít nhất 02 năm, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án sau cập nhật, điều chỉnh phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu của ngân hàng thương mại, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.”

Khoản 7, Điều 143 Luật TCTD 2024 quy định: “Phương án khắc phục quy định tại Điều này phải được xây dựng, thông qua trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

- Về điều kiện để can thiệp sớm

Khoản 1, Điều 156 Luật TCTD 2024 quy định:

“1. Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:

a) Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật này;

b) Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật này trong thời gian 30 ngày liên tục;

d) Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật này trong thời gian 06 tháng liên tục;

đ) Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước. “

- Về nội dung của Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

Khoản 2 và Khoản 3, Điều 143 Luật TCTD quy định:

“2. Phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Thực trạng tài chính và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục từng trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật này;

d) Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục.

3. Các biện pháp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải bao gồm các biện pháp chủ yếu sau đây:

a) Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp và thời gian thực hiện; lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của cổ đông, thành viên góp vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 159 của Luật này;

b) Cải thiện khả năng thanh khoản; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;

d) Nâng cao năng lực quản trị, điều hành;

đ) Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật;

e) Biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản.”

Phần 2: Nội dung của Phương án can thiệp sớm

1. Cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh tại VCB

a. Mô hình tổ chức

Mô hình quản trị của VCB hiện nay là công ty mẹ - con hoạt động đa năng, trong đó ngân hàng thương mại giữ vai trò là công ty mẹ và nắm giữ các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi, công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng, hoạt động trong lĩnh vực tài chính và phi tài chính. Tổ chức bộ máy của VCB hiện nay gồm Trụ sở chính, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực, hai (2) Trung tâm xử lý tiền mặt, mạng lưới các Chi nhánh trên toàn quốc, các công ty con tại Việt Nam và nước ngoài, các công ty liên doanh, liên kết, các văn phòng đại diện trong nước và tại nước ngoài. Các đơn vị tại TSC trực thuộc Ban Điều hành được chia thành các Khối (theo mảng hoạt động kinh doanh và theo nhóm chức năng), gồm: Khối Bán buôn, Khối Bán lẻ, Khối Quản lý rủi ro, Khối Tài chính, Khối Quản trị và phát triển nguồn nhân lực (Khối Nhân sự), Khối Tác nghiệp, Khối Hỗ trợ, Khối Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Khối Vốn và thị trường, Khối Vận hành, Khối Pháp chế và tuân thủ.

b. Bộ máy quản trị điều hành:

Đến 31/12/2024, bộ máy quản trị của VCB bao gồm:

- HĐQT: gồm Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT. Ủy ban trực thuộc HĐQT gồm có: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.
- Ban Điều hành: gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc khối.
- Ban Kiểm soát: gồm Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.
- Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro.

c. Mạng lưới chi nhánh

- Sau khi chuyển sang mô hình NHTMCP, mạng lưới của VCB tiếp tục được mở rộng. Trong năm 2024, VCB đưa vào hoạt động 05 chi nhánh và 19 phòng giao dịch. Tính đến hết 31/12/2024, hệ thống VCB có 131 Chi nhánh và 536 PGD đang hoạt động.
- VCB đang triển khai thành lập 18 phòng giao dịch, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong năm 2025.
- Mạng lưới Chi nhánh của VCB đã có sự hiện diện tại 58/63 các tỉnh/thành

phổ trực thuộc trung ương, theo 8 khu vực địa lý.

- VCB đã và đang tiếp tục thực thi các giải pháp để sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới: Rà soát sửa đổi Quy chế quản lý, tổ chức và hoạt động của Chi nhánh; Phân loại các Chi nhánh thành Chi nhánh đa năng và Chi nhánh Bán lẻ (theo định hướng hoạt động kinh doanh).

2. Thực trạng tài chính và hoạt động tại VCB

a. Vốn

Tính đến 31/12/2024, vốn chủ sở hữu riêng lẻ của VCB đạt 192.910 tỷ đồng, gấp ~2,1 lần so với thời điểm cuối năm 2020, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 – 2024 ở mức ~16%/năm. Trong đó, Vốn điều lệ của VCB đạt 55.891 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 29% vốn chủ sở hữu.

Hệ số an toàn vốn (CAR) của VCB giai đoạn 2020 – 2024 luôn tuân thủ theo quy định của NHNN. Trong giai đoạn này, VCB áp dụng theo quy định của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 41). CAR trong năm 2024 duy trì ở mức 11%-12%, cao hơn nhiều so với mức yêu cầu tối thiểu 8% của NHNN và mức yêu cầu nội bộ tại Khẩu vị rủi ro của VCB.

b. Huy động vốn và tín dụng

Huy động vốn và tín dụng của VCB duy trì tăng trưởng tốt qua các năm, cao hơn mức tăng chung của hệ thống ngân hàng Việt Nam, đạt 9,7% và 14,6% trong giai đoạn 2020-2024. VCB luôn đảm bảo bám sát các chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được NHNN giao theo từng thời kỳ, đồng thời tuân thủ các chỉ tiêu an toàn vốn hoạt động theo quy định của NHNN.

c. Chất lượng tài sản

Tổng dư nợ phân theo nhóm nợ tăng trưởng tập trung ở dư nợ nhóm 1 với quy mô dư nợ đến 31/12/2024 ở mức 1,44 triệu tỷ đồng. Nợ nhóm 2 kiểm soát hiệu quả, tỷ lệ nợ nhóm 2 năm 2024 kiểm soát ở mức 0,23%. Tỷ lệ nợ xấu năm 2024 kiểm soát ở mức 0,96% thấp hơn rất nhiều kế hoạch NHNN giao (dưới 1,5%).

Trong giai đoạn 2020 - 2024, VCB đã xử lý được 70.866 tỷ đồng nợ xấu theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bằng các biện pháp như phát mại TSBĐ để thu hồi nợ, thu nợ trực tiếp khách

hàng, miễn giảm lãi để hỗ trợ khách hàng trả nợ, bán nợ, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng... VCB không sử dụng biện pháp bán nợ cho VAMC theo hình thức trái phiếu đặc biệt.

Xác định công tác xử lý và thu hồi nợ, đặc biệt là nợ đã sử dụng DPRR là một nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong chiến lược phát triển, VCB đã, đang và sẽ nỗ lực triển khai, áp dụng các giải pháp đồng bộ, đảm bảo các yêu cầu và kế hoạch được giao. Kết quả, trong giai đoạn 2020 – 2024, mặc dù dịch Covid-19 bùng phát và nền kinh tế suy thoái hậu Covid ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thu hồi nợ ngoại bảng nhưng VCB vẫn thu được 13.524 tỷ đồng ghi vào thu nhập.

d. Kết quả kinh doanh

Trong giai đoạn 2020 – 2024, tỷ trọng thu nhập lãi thuần của VCB dao động quanh mức từ 74%-79% trong tổng thu nhập. Tỷ trọng thu nhập lãi thuần ở mức cao do VCB thực hiện chính sách giảm phí giao dịch ngân hàng điện tử, thanh toán, thực hiện theo chiến lược của Chính phủ trong việc đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa không dùng tiền mặt. Thu nhập ngoài lãi của VCB trong giai đoạn 2020 – 2024 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân ở mức ~6%/năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động/tổng thu nhập (CIR) của VCB năm 2024 ở mức 33,6%, tiếp tục duy trì ổn định ở mức thấp so với thị trường.

Trong giai đoạn 2020 – 2024, lợi nhuận của VCB luôn duy trì ở mức cao, dẫn đầu hệ thống ngân hàng. Bình quân tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn 2021 - 2024 đạt ~12%/năm. Riêng năm 2020, lợi nhuận trước thuế của có sự sụt giảm nhẹ (1,2%) do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid – 19, VCB thực hiện chính sách cắt giảm lãi để đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân, thể hiện vai trò của một ngân hàng tiên phong, đầu tàu của nền kinh tế.

e. Tình hình thanh khoản và chấp hành các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn

Các tỷ lệ đảm bảo an toàn của VCB luôn được tuân thủ và duy trì trong ngưỡng an toàn so với mức giới hạn được quy định bởi NHNN theo quy định tại Thông tư 41 và Thông tư 22/2019-TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản liên quan khác.

3. Đánh giá các điều kiện VCB thực hiện Phương án can thiệp sớm

a. *Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu*

- *Thực trạng tại VCB:*

Giá trị vốn chủ sở hữu của VCB (Riêng lẻ) tại ngày 31/12/2024 là 192.910 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ và các quỹ dự trữ là 69.888 tỷ đồng và Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế là 95.368 tỷ đồng. Như vậy, hiện tại VCB đảm bảo kết quả kinh doanh lãi với giá trị Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế dương, tương đương 136% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ.

- *Đánh giá rủi ro:*

Với kế hoạch kinh doanh theo Chiến lược tới năm 2030, VCB dự kiến sẽ tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh có lãi và tăng trưởng hàng năm. Theo đó, hiện chưa có khả năng VCB phát sinh lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong BCTC.

- *Biện pháp khắc phục:*

Biện pháp khắc phục được quy định tại Mục 4.c, 4.d và 4.e Phần này.

b. *Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN*

- *Thực trạng tại VCB:*

Theo quy định tại Điều 20, Thông tư 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 52), các mức xếp hạng dưới mức trung bình bao gồm Xếp hạng D (Yếu) và Xếp hạng E (Yếu kém). TCTD xếp hạng dưới mức trung bình nếu tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5.

VCB xếp hạng A (Tốt) trong 03 năm gần nhất (2021-2023). Mức điểm xếp hạng trên 4,5 điểm, có khoảng cách an toàn so với ngưỡng xếp hạng dưới trung bình (cao hơn >1,8 lần ngưỡng xếp hạng dưới trung bình).

- *Đánh giá rủi ro:*

Khả năng VCB xếp hạng dưới trung bình được đánh giá khó có khả năng xảy ra do: (i) Bộ tiêu chí đánh giá theo quy định tại Thông tư 52 được xây dựng bao gồm các chỉ số tài chính có tính ổn định, bền vững; các ngưỡng điểm tối đa có tính phần đầu cao; (ii) VCB đang đạt mức điểm tối đa (5/5) đối với đa số chỉ tiêu định lượng (~70% số lượng chỉ tiêu).

- *Biện pháp khắc phục:*

Biện pháp khắc phục được quy định tại Mục 4.a, 4.b, 4.c, 4.d và 4.e Phần này.

c. *Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục*

- *Thực trạng tại VCB:*

VCB luôn quản lý rủi ro thanh khoản chặt chẽ, chủ động, cân trọng, đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ rủi ro thanh khoản của NHNN, không phát sinh bất cứ trường hợp vi phạm tỷ lệ nào.

VCB thường xuyên rà soát và triển khai các phương án cảnh báo sớm, dự phòng thanh khoản, nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản của ngân hàng thông qua theo dõi chặt chẽ các dấu hiệu cảnh báo sớm khủng hoảng thanh khoản, định kỳ kiểm tra sức chịu đựng, luôn chuẩn bị sẵn sàng các kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP) đối phó với các tình huống khủng hoảng. Các biện pháp được xây dựng phù hợp với đặc thù kinh doanh của VCB và tình hình thị trường trong từng thời kỳ.

- *Đánh giá rủi ro:*

Với tình hình hoạt động và tài chính hiện tại của VCB, chưa có khả năng vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục.

- *Biện pháp khắc phục:*

Biện pháp khắc phục được quy định tại Mục 4.b, 4.c, 4.d, 4.e và 4.f Phần này.

d. *Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định trong thời gian 06 tháng liên tục*

- *Thực trạng tại VCB:*

VCB luôn đảm bảo yêu cầu về CAR của NHNN tại mọi thời điểm và là ngân hàng đạt hệ số CAR cao nhất trong các ngân hàng TMCP có vốn nhà nước. Trong năm 2024, CAR Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 nằm trong khoảng từ 11% đến 12%, duy trì tuân thủ mức tối thiểu 8% của NHNN cũng như tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu tại quy định về Khâu vị rủi ro của VCB.

- *Đánh giá rủi ro:*

Khả năng VCB vi phạm tỷ lệ CAR tối thiểu trong 06 tháng liên tục rất khó xảy ra do:

- + VCB duy trì mức tăng trưởng lợi nhuận cao, đồng thời luôn chú trọng đến kiểm soát tốc độ tăng đối với nhóm tài sản có rủi ro cao và cơ cấu lại danh mục tài sản theo hướng kiểm soát phân bổ vốn vào các lĩnh vực có mức rủi ro cao.

- + VCB thiết lập các ngưỡng cảnh báo xanh, vàng, đỏ để quản lý CAR đồng thời thiết lập mức cảnh báo sớm để theo dõi, giám sát tổng tài sản tính theo các rủi ro trọng yếu (trong đó có rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động) hàng tháng. Trường hợp tổng tài sản tính theo các rủi ro trọng yếu vượt mức cảnh báo sớm, VCB thực hiện phân tích, dự báo danh mục tài sản cũng như vốn tự có. VCB sẽ kích hoạt kế hoạch hành động nếu thấy khả năng không đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn.
- + Định kỳ hàng năm, VCB xây dựng kế hoạch vốn theo quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 theo đó khối lượng, lộ trình tăng vốn được đề xuất để đảm bảo ngân hàng có đủ vốn bù đắp cho các rủi ro trọng yếu trong cả điều kiện bình thường và điều kiện bất lợi cho 3 năm tiếp theo.

- *Biện pháp khắc phục:*

Biện pháp khắc phục được quy định tại Mục 4.a, 4.c, 4.d và 4.e Phần này.

e. *Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước*

- *Thực trạng tại VCB:*

Trong thực tế hoạt động của VCB chưa gặp tình huống bị khách hàng rút tiền hàng loạt và phải báo cáo NHNN. Thông qua kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản định kỳ, VCB đã xây dựng dự phòng thanh khoản cho các trường hợp khủng hoảng bao gồm (i) các tài sản thanh khoản cao sẵn có (tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác...) và (ii) các biện pháp huy động bổ sung thanh khoản khẩn cấp khác (vay MM tín chấp, vay cầm cố GTCG, vay thấu chi, swap ngoại tệ...).

VCB cũng xây dựng và diễn tập định kỳ kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP) để sẵn sàng ứng phó với các tình huống khủng hoảng có thể xảy ra tại ngân hàng (VD: liên tục vi phạm các tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định, khách hàng rút tiền hàng loạt...).

- *Đánh giá rủi ro:*

Với tình hình hoạt động và tài chính hiện tại của VCB, chưa có khả năng bị rút tiền hàng loạt.

- *Biện pháp khắc phục:*

Biện pháp khắc phục được quy định tại 4.b, 4.c, 4.d, 4.e và 4.f Phần này.

4. Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục và lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục của VCB

a. Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp và thời gian thực hiện; lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của cổ đông, thành viên góp vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 159 của Luật TCTD 2024

Việc “Tăng vốn điều lệ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt” là một trong các giải pháp về nâng cao năng lực tài chính được đặt ra tại Chiến lược phát triển VCB đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Để thực hiện nội dung này, VCB xem xét đến các phương án sau:

- Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ: Trong năm 2024, tại Nghị quyết 174/2024/QH15, Quốc hội đã phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại VCB theo phương án tăng VDL thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến 2018 (*giá trị vốn nhà nước đầu tư bổ sung là 20.695 tỷ đồng và tổng VDL tăng thêm là 27.666 tỷ đồng*). VCB đang tiếp tục xây dựng và trình Cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại để tăng cường tính bền vững và hiệu quả của vốn chủ sở hữu. **Lộ trình và thời gian:** Tùy theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
- Phát hành thêm cổ phiếu mới: VCB đang triển khai phát hành thêm cổ phiếu mới thông qua phát hành riêng lẻ để tăng ~ 6,5% vốn điều lệ tại thời điểm phát hành riêng lẻ. **Lộ trình và thời gian:** Tiến độ phụ thuộc vào điều kiện thị trường (thị hiếu của nhà đầu tư với cổ phiếu của thị trường Việt Nam nói chung và cổ phiếu VCB nói riêng).

Tại VCB, hiện tại và khi thực hiện giải pháp phát hành thêm cổ phiếu mới dự kiến không có cổ đông vượt giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 Luật TCTD 2024.

b. Cải thiện khả năng thanh khoản; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng

VCB luôn chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản và phương án chi tiết để đảm bảo an toàn thanh khoản của ngân hàng bao gồm các biện pháp khắc phục dưới đây:

- Vay NHNN qua kênh OMO;
- Vay tái cấp vốn NHNN thế chấp bằng hồ sơ tín dụng;
- Huy động Kho Bạc Nhà Nước;
- Huy động Tổ chức tín dụng;

- Triển khai chương trình ưu đãi huy động vốn;
- Hạn chế giải ngân cho vay mới.

Lộ trình và thời gian: Tùy thuộc vào tình huống cụ thể, VCB sẽ xây dựng lộ trình và thời gian cho từng biện pháp để đảm bảo phù hợp với tình trạng hoạt động của ngân hàng.

c. **Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh**

VCB luôn chú trọng công tác nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:

- Công tác huy động vốn: Điều hành huy động vốn linh hoạt, hiệu quả; tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, tối đa hóa hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.
- Công tác tín dụng: Tăng trưởng tín dụng đúng định hướng, cấu trúc lại danh mục khách hàng theo hướng an toàn, hiệu quả, phù hợp với quy mô và cơ cấu nguồn vốn, năng lực quản trị rủi ro.
- Hoạt động kinh doanh vốn & Ngân hàng đầu tư:
 - + Nâng cao hoạt động quản lý và đầu tư giấy tờ có giá phục vụ thanh khoản, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn;
 - + Nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đầu tư mới theo nhu cầu thị trường/theo nhóm khách hàng; Xây dựng các bộ sản phẩm dịch vụ kết hợp giữa sản phẩm dịch vụ ngân hàng thương mại truyền thống với các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đầu tư.
- Quản lý hiệu quả, tối ưu hóa chi phí hoạt động: Kiểm soát tối ưu chi phí hoạt động; kiểm soát tăng trưởng chi phí phù hợp với tốc độ tăng doanh thu.
- Hoạt động dịch vụ phi tín dụng: Tăng cường vai trò trụ cột kinh doanh của hoạt động dịch vụ, nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng. Phân đầu gia tăng quy mô thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập; Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, xây dựng sản phẩm dịch vụ và gói sản phẩm dịch vụ cho từng phân khúc khách hàng.

Lộ trình và thời gian: Đây là công tác thường xuyên, liên tục.

d. **Nâng cao năng lực quản trị, điều hành**

Công tác nâng cao năng lực quản trị, điều hành bao gồm:

- Công nghệ thông tin: Đẩy mạnh tích hợp, phát triển công nghệ thông tin trong mọi hoạt động kinh doanh nghiệp vụ cũng như quản trị nội bộ để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại Cách Mạng công nghệ 4.0, phục vụ thúc đẩy chiến lược phát triển của VCB.
- Hoạt động ngân hàng số: Phát triển mô hình ngân hàng số, triển khai có hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng. Thực hiện chuyển đổi số nhằm cung cấp cho khách hàng một hệ thống ngân hàng số hoàn chỉnh, cung cấp các dịch vụ ngân hàng điện tử từ cơ bản đến phức hợp.
- Triển khai Basel III: Nghiên cứu triển khai và áp dụng Basel III theo phương pháp cơ bản và nâng cao theo hướng dẫn của NHNN, hướng tới đạt trình độ phát triển của Nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN.
- Phát triển mạng lưới: Nghiên cứu phương pháp luận quản trị mạng lưới với tư vấn trong khuôn khổ Dự án chuyển đổi mô hình hoạt động Ngân hàng bán lẻ nhằm tối ưu hóa kênh phân phối hữu hình, đẩy mạnh phát triển kênh phân phối phi vật lý; nâng cao hiệu quả hoạt động của các chi nhánh/PGD; chú trọng phát triển mạng lưới trong nước. Nghiên cứu, phát triển mạng lưới tới các địa bàn tiềm năng.
- Thúc đẩy tín dụng xanh: Nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn vốn tín dụng; thúc đẩy tín dụng xanh, ngân hàng xanh, đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các-bon.

Lộ trình và thời gian: Đây là công tác thường xuyên, liên tục.

e. Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật

Xử lý tồn tại yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật, bao gồm:

- Tuân thủ nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ, NHNN nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng hoạt động.
- Tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp xử lý nợ xấu như đơn đốc thu hồi nợ, bán nợ, xử lý tài sản bảo đảm, khởi kiện khách hàng, sử dụng dự phòng rủi ro...để hạn chế tổn thất cho VCB.
- Chủ động rà soát danh mục nợ có vấn đề, đánh giá chất lượng và khả năng thu hồi của các khoản nợ để có biện pháp xử lý thích hợp; thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu theo đúng quy định pháp luật. Bổ sung,

hoàn thiện hồ sơ pháp lý tài sản bảo đảm (TSBĐ) (nếu cần thiết). Vận động, yêu cầu khách hàng bổ sung TSBĐ để đảm bảo khả năng trả nợ (nếu có).

- Tiếp tục chủ động phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đặc biệt là Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án các cấp, Cơ quan công an,... trong quá trình xử lý nợ, xử lý TSBĐ.
- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy kiểm tra kiểm toán nội bộ, phát huy tối đa vai trò là công cụ trọng yếu và hữu hiệu của Ngân hàng trong công tác kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro, bao gồm: Tập trung các nguồn lực để thực hiện các kế hoạch kiểm tra, kiểm toán định kỳ; Đẩy mạnh công tác tự động hóa trong hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ; Chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện và nâng cao khả năng tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Lộ trình và thời gian: Đây là công tác thường xuyên, liên tục.

f. Biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản

Các biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin được triển khai ngay lập tức để khắc phục khó khăn về thanh khoản tại VCB như sau:

- Xây dựng phương án truyền thông trấn an khách hàng: Thông cáo báo chí, Phương án truyền thông (báo chí, fanpage, website, tivi, mạng xã hội,...), kênh thông tin đăng tải (kênh digibank, digibiz, máy ATM...);
- Truyền thông trấn an khách hàng tiền gửi lớn;
- Cài đặt hạn mức rút tiền tại quầy/ATM.

Lộ trình và thời gian: Tùy thuộc vào tình huống cụ thể, VCB sẽ xây dựng lộ trình và thời gian cho từng biện pháp để đảm bảo phù hợp với tình trạng hoạt động của ngân hàng.

g. Các biện pháp thực hiện khắc phục khác được NHNN chấp thuận

Ngoài các biện pháp khắc phục nêu trên, tùy thuộc vào các tình huống cụ thể VCB có thể báo cáo xin NHNN phê duyệt bằng văn bản một hoặc nhiều các biện pháp khắc phục dưới đây:

- Lộ trình tuân thủ một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 136 và Điều 138 của Luật TCTD;

- Trường hợp VCB có lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- + Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm thì số tiền trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi;
- + Trường hợp VCB có lãi phải thu phải thoái, VCB được phân bổ lãi phải thu phải thoái theo năng lực tài chính trên nguyên tắc tổng mức phân bổ lãi phải thu phải thoái và số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm của VCB. Thời gian phân bổ lãi phải thu phải thoái tối đa 05 năm kể từ ngày được NHNN chấp thuận và chỉ áp dụng cho khoản phải thu phát sinh đến thời điểm NHNN có văn bản quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật TCTD.

Lộ trình và thời gian: Tùy thuộc vào tình huống cụ thể, VCB sẽ xây dựng lộ trình và thời gian cho từng biện pháp để đảm bảo phù hợp với tình trạng hoạt động của ngân hàng.

Phần 3: Tổ chức thực hiện Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

Trường hợp xảy ra một hoặc nhiều nguyên nhân dẫn đến VCB phải được can thiệp sớm tại Mục II.3, VCB thực hiện các giải pháp sau:

1. Căn cứ vào văn bản của NHNN quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật TCTD 2024, VCB xác định nguyên nhân dẫn đến can thiệp sớm và cập nhật phương án khắc phục, được thông qua bởi Hội đồng quản trị và gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được Hội đồng quản trị thông qua.
2. Trường hợp NHNN có ý kiến đối với phương án khắc phục nêu trên, VCB thực hiện điều chỉnh phương án khắc phục và gửi lại NHNN trong thời hạn theo yêu cầu của NHNN.
3. VCB thực hiện phương án khắc phục ngay khi được NHNN thông qua và báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục theo yêu cầu của NHNN.
4. Các đơn vị tại VCB theo chức năng, nhiệm vụ được phân công thực hiện các nội dung cập nhật, triển khai và báo cáo phương án khắc phục theo chỉ đạo của Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị.



**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH
V/V PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ
ĐỀ TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA VCB

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) được thông qua theo Nghị quyết số 08/BT2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/8/2024; và
- Các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam và quy định của VCB có liên quan khác.

I. MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”, đã nêu rõ mục tiêu về vốn tự có thông qua tỷ lệ an toàn vốn: “*Phần đầu đến năm 2023, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các Ngân hàng thương mại (NHTM) đạt tối thiểu 10-11%; đến năm 2025 đạt tối thiểu 11-12%*”. Với vai trò là một trong những NHTM hàng đầu tại Việt Nam, VCB hướng tới không chỉ đạt được mục tiêu nêu trên mà còn đáp ứng được yêu cầu vốn tối thiểu theo chuẩn mực Basel III. Do đó, việc bổ sung Vốn điều lệ (VDL) là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng để nâng cao năng lực tài chính của VCB nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Tăng cường hệ số an toàn vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển, chuẩn mực quốc tế cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh so với các ngân hàng khác tại Việt Nam;
- Đảm bảo việc thực hiện một trong các giải pháp cơ cấu lại ngân hàng thương mại nhà nước là nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ để cải thiện, nâng cao năng lực tài chính, phát huy vai trò sếu đầu đàn trong ngành tài chính ngân hàng theo định hướng của Đảng, Chính phủ nhằm thực hiện Chiến lược phát triển ngành ngân hàng, Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025;
- Đảm bảo đủ nguồn lực để phát huy vai trò chủ lực, chủ đạo về quy mô, thị phần, khả năng điều tiết thị trường, phát huy việc thực thi các chính sách của Nhà nước, trong đó bao gồm việc tham gia cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, cấp tín dụng cho các dự án quan trọng Quốc gia, các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ nền kinh tế, mang lại hiệu quả cho nhà nước thông qua việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; và
- Giúp đa dạng hóa cơ cấu sở hữu và nâng cao hình ảnh, vị thế của VCB nói riêng và ngân hàng Việt Nam nói chung trên thị trường quốc tế.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm

- VDL hiện tại: 83.556.750.940.000 đồng.
- Số VDL dự kiến tăng thêm: 5.431.000.000.000 đồng.
- VDL dự kiến sau khi hoàn thành (các) đợt chào bán: 88.987.750.940.000 đồng.

2. Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ

i. Phương thức chào bán	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
ii. Mục đích chào bán	Tăng VDL nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh và phù hợp với chiến lược phát triển của VCB
iii. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
iv. Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
v. Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chào bán	8.355.675.094 cổ phiếu, trong đó: - Cổ phiếu phổ thông: 8.355.675.094 cổ phiếu; - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu; và - Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
vi. Số lượng cổ phiếu chào bán	Tối đa 6,5% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm của đợt chào bán (hoặc tại thời điểm của đợt chào bán đầu tiên trong trường hợp có nhiều đợt chào bán). Dự kiến tổng số cổ phiếu chào bán riêng lẻ tối đa 543.100.000 cổ phiếu. Điều lệ của VCB sẽ được sửa đổi tương ứng để phản ánh mức VDL tăng lên cũng như số lượng cổ phiếu tương ứng của VCB sau mỗi đợt chào bán.
vii. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	Tối đa 5.431.000.000.000 đồng
viii. Nguyên tắc xác định giá chào bán	Phải đảm bảo đồng thời 03 nguyên tắc: không thấp hơn (i) Giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, (ii) Giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá độc lập (trong đó đối với doanh nghiệp thẩm định giá trong nước là doanh nghiệp được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm

	<i>định giá</i>), và (iii) Giá bình quân số học của giá đóng cửa của cổ phiếu VCB của 10 ngày giao dịch liên tiếp (trên Sở dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) liền kề trước ngày nhà đầu tư thông báo mua và giá đóng cửa phiên giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó.
ix. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là: (i) tổ chức (có thể bao gồm một hoặc một số cổ đông hiện hữu của VCB), (ii) có tiềm lực tài chính, và (iii) đáp ứng quy định hiện hành về nhà đầu tư khi tham gia mua cổ phần riêng lẻ của tổ chức tín dụng.
x. Số lượng nhà đầu tư	Tối đa 55 nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
xi. Thời điểm triển khai và số đợt chào bán	Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng 6,5% VDL tại thời điểm của đợt chào bán (hoặc tại thời điểm của đợt chào bán đầu tiên trong trường hợp có nhiều đợt chào bán) có thể thực hiện theo một hoặc nhiều đợt chào bán. Thời điểm và số lượng cổ phiếu chào bán cụ thể của từng đợt chào bán sẽ căn cứ theo thực tế nhu cầu mua của nhà đầu tư, trên cơ sở tuân thủ pháp luật liên quan về chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông, (các) đợt chào bán sẽ được thực hiện trong năm 2025 - 2026.
xii. Hạn chế chuyển nhượng	Theo quy định hiện hành của pháp luật việc giao dịch, chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật chứng khoán) hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
xiii. Điều kiện giao dịch cụ	- Trong trường hợp đối tác chiến lược (Ngân hàng Mizuho Nhật Bản (Mizuho)) thực hiện mua cổ phiếu để tăng tỷ lệ

thể	<p>sở hữu cổ phần tại VCB lên đến 20%, Mizuho được quyền đề cử thêm 01 người vào Hội đồng quản trị (HĐQT) của VCB và đảm bảo số lượng thành viên HĐQT đại diện cho phần vốn góp của Mizuho tại VCB không vượt quá 02 thành viên HĐQT (trên cơ sở được NHNN chấp thuận); và VCB có thể thỏa thuận với Mizuho một số nội dung về hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Trong trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài (khác Mizuho) mua và nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của VCB sau phát hành trở lên: được quyền đề cử 01 người vào HĐQT của VCB (trên cơ sở được NHNN chấp thuận).</p>
xiv. Đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu	<p>Cổ phiếu chào bán thành công theo kết quả của (các) đợt chào bán sẽ được đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo quy định của pháp luật.</p>
xv. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức định giá	<p>Tổ chức định giá là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật. Việc lựa chọn tổ chức định giá được thực hiện thông qua đấu thầu, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.</p>

3. Kế hoạch thực hiện

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, kế hoạch thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng VDL (Phương án) như sau:

- HĐQT tổ chức làm việc, đàm phán với các nhà đầu tư, tiến hành các thủ tục cần thiết để có ý kiến chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (như NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước);
- Tiến hành việc tăng vốn sau khi được phê duyệt với các bước theo quy định;
- Đề nghị NHNN sửa đổi mức VDL (sau khi tăng vốn) tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VCB và thực hiện sửa đổi Điều lệ hiện hành của VCB (điều

khoản quy định về VDL và số cổ phần tương ứng), báo cáo/công bố thông tin theo quy định; và

- Tiến hành đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu chào bán thành công.

4. Các nguyên tắc khác

Các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu của VCB chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ VCB và các quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng VDL đã được ĐHĐCĐ thông qua.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ (CÁC) ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

VDL tăng thêm và thặng dư phát hành dự kiến sẽ được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của VCB với cơ cấu hợp lý trên nguyên tắc đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông, cụ thể:

- Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh cho các hoạt động cấp tín dụng, đặc biệt cho các dự án quan trọng Quốc gia với nhu cầu vốn đặc biệt lớn, thực hiện các chính sách của nhà nước và hỗ trợ nền kinh tế...;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ phát triển hiện đại hóa ngân hàng và chuyển đổi số từ đó nâng cao năng lực phát triển sản phẩm, dịch vụ, an ninh an toàn thông tin, đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ, tăng sức cạnh tranh;

- Nâng cao năng lực tài chính, phấn đấu đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn CAR theo Basel III; và

- Hỗ trợ VCB có đủ nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu theo Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.

Tiến độ sử dụng và việc phân bổ cụ thể VDL tăng thêm cũng như Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán đối với từng mục đích nêu trên sẽ phụ thuộc vào tiến độ tăng vốn, tình hình thị trường và thực tiễn kinh doanh tại từng thời kỳ của VCB, do HĐQT (hoặc người được HĐQT giao/ủy quyền) xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của VCB, đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của VCB.

IV. HIỆU QUẢ KINH DOANH TRÊN CƠ SỞ MỨC VỐN ĐIỀU LỆ MỚI

Với Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn thu được từ (các) đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ như trên, một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2025 dự kiến như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025
1	Tổng tài sản	Tăng 10% và điều chỉnh phù hợp với mức tăng trưởng tín dụng được giao.
2	Dư nợ tín dụng ¹	Tăng tối đa 16,28% và thực hiện theo thông báo của NHNN.
3	Huy động vốn	Tăng 8% và điều chỉnh phù hợp với mức tăng trưởng tín dụng được giao.
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tăng 3,5%.
5	Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ	42.734 tỷ đồng và được điều chỉnh theo ý kiến của NHNN sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.
6	Tỷ lệ nợ xấu ²	< 1,5%.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc tăng vốn điều lệ và Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng VDL của VCB (**Phương án**) với các nội dung cơ bản như nêu tại Tờ trình này;

2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ hiện hành của VCB đối với nội dung vốn điều lệ và số cổ phần tương ứng sau phát hành theo Phương án đã được thông qua, ý kiến chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kết quả phát hành thực tế; và

3. Giao/Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Căn cứ tình hình thực tế chủ động thực hiện các thủ tục báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan và rà soát, chỉnh sửa

¹ Bao gồm “dư nợ dự án” bán cho VCBNeo theo phương án chuyển giao bắt buộc theo công văn số 3064/NHNN-TCKT ngày 23/4/2025.

² Theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN.

Phương án theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật;

- Quyết định số lượng và tỷ lệ cổ phiếu chào bán cụ thể của (các) đợt chào bán trên cơ sở tình hình thực hiện (các) đợt chào bán thực tế, đảm bảo Tổng số cổ phiếu chào bán riêng lẻ tối đa không quá 6,5% số cổ phiếu đang lưu hành của VCB tại thời điểm chào bán của đợt chào bán (hoặc tại thời điểm chào bán của đợt chào bán đầu tiên trong trường hợp có nhiều đợt chào bán);

- Tổ chức thực hiện tìm kiếm và quyết định danh sách nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp chào bán và số lượng cổ phiếu chào bán cụ thể cho từng nhà đầu tư, đảm bảo phù hợp với số lượng nhà đầu tư tối đa, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và tổng số cổ phiếu chào bán riêng lẻ đã nêu tại Phương án;

- Quyết định giá chào bán cụ thể cho nhà đầu tư trên cơ sở nguyên tắc xác định giá chào bán đã nêu tại Phương án;

- Xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, xác định và thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và nhà đầu tư chiến lược và phê duyệt các văn kiện, thỏa thuận chào bán, đặt mua cổ phiếu được ký kết giữa (các) nhà đầu tư được lựa chọn và VCB;

- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

- Điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ (các) đợt chào bán, quyết định tiến độ sử dụng và việc phân bổ cụ thể vốn điều lệ tăng thêm đối với từng mục đích phù hợp với tiến độ tăng vốn điều lệ, tình hình thị trường, thực tiễn kinh doanh tại từng thời kỳ của VCB và quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VCB, đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

- Quyết định việc tăng vốn điều lệ cụ thể và việc sửa đổi điều lệ hiện hành của VCB đối với nội dung vốn điều lệ và số cổ phần tương ứng sau (các) đợt chào bán trên cơ sở ý kiến chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kết quả phát hành thực tế;

- Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện chào bán và phát hành cổ phiếu thành công, bao gồm nhưng không giới hạn thủ tục xin phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền; thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động; sửa đổi

điều lệ, các thủ tục cập nhật mức vốn điều lệ mới; các thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu chào bán thành công và các thủ tục khác theo quy định hiện hành;

- Chủ động quyết định các nội dung khác của Phương án và các công việc có liên quan để triển khai Phương án theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tùng



**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội
Số: 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 18
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 08/BT2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/08/2024;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 18 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 26/04/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Báo cáo của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát (BKS); Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và được Ban Kiểm soát thẩm định, và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- a. Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:
 - Tổng tài sản: ~ 2,1 triệu tỷ đồng;
 - Dư nợ tín dụng: ~ 1,5 triệu tỷ đồng;
 - Tổng huy động vốn: ~ 1,5 triệu tỷ đồng;
 - Tỷ lệ nợ xấu: 0,96%
 - Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 42.236 tỷ đồng;
- b. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:



Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2024
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (riêng lẻ)	33.084.165
2	Điều chỉnh tăng Lợi nhuận năm trước	84.059
3	Lợi nhuận phân phối [(1) + (2)]	33.168.224
4	Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10%) [(3) x 10%]	3.316.822
5	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính (10%) [(3) x 10%]	3.316.822
6	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (2%) [(3) x 2%]	663.364
7	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (bao gồm Quỹ thưởng người quản lý)	2.721.789
8	Điều chỉnh giảm khác	188
9	Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích lập các quỹ [(3)-(4)-(5)-(6)-(7)-(8)]	23.149.239
10	Chia cổ tức <i>Theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	23.149.239
11	Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích lập các quỹ và chia cổ tức [(9)-(10)]	0

Đại hội đồng cổ đông thống nhất :

- Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng lẻ của VCB năm 2024 đã được kiểm toán;
- Giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện điều chỉnh số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được thông qua nêu trên theo yêu cầu của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý nhà nước (nếu có);
- Giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo ý kiến của cơ quan có thẩm quyền;
- Giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện xây dựng Phương án tăng vốn điều lệ thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2024 (lợi nhuận sau thuế sau trích lập các quỹ) khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024;
- Giao HĐQT quyết định việc sử dụng quỹ thưởng Người quản lý hàng năm

của VCB theo mục đích được phép phù hợp với quy định pháp luật.

c. Thông qua định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025 của VCB với các nội dung chính sau đây:

(i) Kiên định phương châm hành động: **“Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững”** và quan điểm chỉ đạo, điều hành: **“Trách nhiệm - Kỷ cương - Kết nối - Sáng tạo”**, trên cơ sở Chiến lược phát triển VCB đến năm 2030, toàn hệ thống VCB tiếp tục nỗ lực thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025.

(ii) Một số định hướng chính: VCB tiếp tục thực hiện 6 đột phá và 4 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh, cụ thể như dưới đây.

6 đột phá quan đến (i) Triển khai Chiến lược phát triển VCB đến năm 2030 và Kế hoạch chuyển đổi theo tiến độ đã phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; (ii) Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu hoạt động; (iii) Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, phát triển sản phẩm; (iv) Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (v) Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách; (vi) Triển khai phương án nhận chuyển giao bắt buộc;

04 trọng tâm trong (i) Chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng hiệu quả, bền vững, đảm bảo chất lượng; (ii) Cải thiện tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập hoạt động kinh doanh; (iii) Gia tăng hiệu quả công tác quản lý vốn; (iv) Tiếp tục tập trung tăng cường công tác quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động.

(iii) Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 như dưới đây; giao/ủy quyền cho HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2025 theo ý kiến chính thức của NHNN:

- | | |
|----------------------------------|---|
| - Tổng tài sản: | Tăng 10% và điều chỉnh phù hợp với mức tăng trưởng tín dụng được giao. |
| - Huy động vốn TT1: | Tăng 8% và điều chỉnh phù hợp với mức tăng trưởng tín dụng được giao. |
| - Tín dụng ¹ : | Tăng tối đa 16,28% và thực hiện theo thông báo của NHNN. |
| - Tỷ lệ nợ xấu ² : | < 1,5%. |
| - Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: | Tăng 3,5%. |

¹ Bao gồm “dư nợ dự án” bán cho VCBNeo theo phương án chuyển giao bắt buộc theo công văn số 3064/NHNN-TCKT ngày 23/4/2025.

² Theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN.

- Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ: **42.734 tỷ đồng** và được điều chỉnh theo ý kiến của NHNN sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

Điều 2. Thông qua mức thù lao đối với các thành viên HĐQT và thành viên BKS của VCB năm 2025 tối đa bằng 0,15% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

Điều 3. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT VCB nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với ông Shojiro Mizoguchi, Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.

Điều 4. Thông qua việc bầu bổ sung các ông/bà có tên như sau giữ chức vụ thành viên HĐQT VCB nhiệm kỳ 2023 – 2028, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT VCB được bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028:

- (i) Ông Kohei Matsuoka (quốc tịch Nhật Bản);
- (ii) Bà Hoàng Thanh Nhân.

Điều 5. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS VCB nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với ông Trịnh Ngọc An theo nguyện vọng cá nhân.

Điều 6. Thông qua việc bầu bổ sung ông Trần Sỹ Mạnh giữ chức vụ thành viên BKS VCB nhiệm kỳ 2023 – 2028, nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Điều 7.

- (i) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ như nêu tại các Phụ lục kèm theo Tờ trình;
- (ii) Thông qua các Dự thảo toàn văn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ.
- (iii) Giao HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để ban hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ với các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên.

Điều 8.

- (i) Thông qua nội dung “Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm”.
- (ii) Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt điều chỉnh “Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm” theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Điều 9.

- (i) Thông qua việc tăng vốn điều lệ và Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của VCB (Phương án) với các nội dung như nêu tại Tờ trình đã trình Đại hội;
- (ii) Thông qua việc sửa đổi Điều lệ hiện hành của VCB đối với nội dung vốn điều lệ và số cổ phần tương ứng sau phát hành theo Phương án đã được thông qua, ý kiến chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kết quả phát hành thực tế;
- (iii) Giao/Ủy quyền cho HĐQT:
 - Căn cứ tình hình thực tế chủ động thực hiện các thủ tục báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan và rà soát, chỉnh sửa Phương án theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Quyết định số lượng và tỷ lệ cổ phiếu chào bán cụ thể của (các) đợt chào bán trên cơ sở tình hình thực hiện (các) đợt chào bán thực tế, đảm bảo Tổng số cổ phiếu chào bán riêng lẻ tối đa không quá 6,5% số cổ phiếu đang lưu hành của VCB tại thời điểm chào bán của đợt chào bán (hoặc tại thời điểm chào bán của đợt chào bán đầu tiên trong trường hợp có nhiều đợt chào bán);
 - Tổ chức thực hiện tìm kiếm và quyết định danh sách nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp chào bán và số lượng cổ phiếu chào bán cụ thể cho từng nhà đầu tư, đảm bảo phù hợp với số lượng nhà đầu tư tối đa, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và tổng số cổ phiếu chào bán riêng lẻ đã nêu tại Phương án;
 - Quyết định giá chào bán cụ thể cho nhà đầu tư trên cơ sở nguyên tắc xác định giá chào bán đã nêu tại Phương án;
 - Xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, xác định và thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và nhà đầu tư chiến lược và phê duyệt các văn kiện, thỏa thuận chào bán, đặt mua cổ phiếu được ký kết giữa (các) nhà đầu tư được lựa chọn và VCB;
 - Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ (các) đợt chào bán, quyết định tiến độ sử dụng và việc phân bổ cụ thể vốn điều lệ tăng thêm đối với từng mục đích

phù hợp với tiến độ tăng vốn điều lệ, tình hình thị trường, thực tiễn kinh doanh tại từng thời kỳ của VCB và quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VCB, đảm bảo an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

- Quyết định việc tăng vốn điều lệ cụ thể và việc sửa đổi điều lệ hiện hành của VCB đối với nội dung vốn điều lệ và số cổ phần tương ứng sau (các) đợt chào bán trên cơ sở ý kiến chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kết quả phát hành thực tế;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện chào bán và phát hành cổ phiếu thành công, bao gồm nhưng không giới hạn thủ tục xin phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền; thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động; sửa đổi điều lệ, các thủ tục cập nhật mức vốn điều lệ mới; các thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu chào bán thành công và các thủ tục khác theo quy định hiện hành;
- Chủ động quyết định các nội dung khác của Phương án và các công việc có liên quan để triển khai Phương án theo đúng quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2025. Các ông (bà) thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của VCB./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: Ban CL&TKHDQT.

Nguyễn Thanh Tùng